

THÔNG TƯ

Sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 144/2017/TT-BTC ngày 29 tháng 12 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn một số nội dung của Nghị định số 151/2017/NĐ-CP ngày 26 tháng 12 năm 2017 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý, sử dụng tài sản công

Căn cứ Luật Quản lý, sử dụng tài sản công ngày 21 tháng 6 năm 2017;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Chứng khoán, Luật Kế toán, Luật Kiểm toán độc lập, Luật Ngân sách nhà nước, Luật Quản lý, sử dụng tài sản công, Luật Quản lý thuế, Luật Thuế thu nhập cá nhân, Luật Dự trữ quốc gia, Luật Xử lý vi phạm hành chính ngày 29 tháng 11 năm 2024;

Căn cứ Nghị định số 151/2017/NĐ-CP ngày 26 tháng 12 năm 2017 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý, sử dụng tài sản công;

Căn cứ Nghị định số 114/2024/NĐ-CP ngày 15 tháng 9 năm 2024 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 151/2017/NĐ-CP ngày 26 tháng 12 năm 2017 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý, sử dụng tài sản công;

Căn cứ Nghị định số 50/2025/NĐ-CP ngày 28 tháng 02 năm 2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý, sử dụng tài sản công;

Căn cứ Nghị định số 29/2025/NĐ-CP ngày 24 tháng 3 năm 2025 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Tài chính;

Theo đề nghị của Cục trưởng Cục Quản lý công sản;

Bộ trưởng Bộ Tài chính ban hành Thông tư sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 144/2017/TT-BTC ngày 29/12/2017 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn một số nội dung của Nghị định số 151/2017/NĐ-CP ngày 26 tháng 12 năm 2017 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý, sử dụng tài sản công.

Điều 1. Sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 144/2017/TT-BTC ngày 29 tháng 12 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn một số nội dung của Nghị định số 151/2017/NĐ-CP ngày 26 ngày 12 tháng 2017 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý, sử dụng tài sản công

1. Sửa đổi, bổ sung Điều 1 như sau:

“Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Thông tư này hướng dẫn một số nội dung của Nghị định số 151/2017/NĐ-CP ngày 26 ngày 12 tháng 2017 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý, sử dụng tài sản công đã được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 114/2024/NĐ-CP ngày 15 tháng 9 năm 2024 của Chính phủ, Nghị định số 50/2025/NĐ-CP ngày 28 tháng 02 năm 2025 của Chính phủ (sau đây gọi là Nghị định) bao gồm:

1. Bán tài sản công theo hình thức niêm yết giá.

2. Lựa chọn đối tác để thực hiện liên doanh, liên kết khi sử dụng tài sản công tại đơn vị sự nghiệp công lập vào mục đích liên doanh, liên kết.

3. Quy chế quản lý, sử dụng tài sản công tại cơ quan, tổ chức, đơn vị.

4. Biểu mẫu công khai tài sản công, báo cáo kê khai tài sản công.”

2. Bổ sung Điều 6a vào sau Điều 6 như sau:

“Điều 6a. Lựa chọn đối tác để thực hiện liên doanh, liên kết khi sử dụng tài sản công tại đơn vị sự nghiệp công lập vào mục đích liên doanh, liên kết

1. Nguyên tắc lựa chọn đối tác để thực hiện liên doanh, liên kết:

a) Tuân thủ quy định của pháp luật, bảo đảm theo đúng tiêu chí quy định tại khoản 3 Điều 47 của Nghị định và Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư này.

b) Bảo đảm tính chính xác, độc lập, trung thực, công khai, minh bạch, công bằng, khách quan.

c) Tổ chức, cá nhân đăng ký tham gia liên doanh, liên kết tự chịu trách nhiệm về tính đầy đủ, chính xác của các thông tin trong hồ sơ đăng ký tham gia lựa chọn. Trường hợp do tổ chức, cá nhân kê khai không đầy đủ, chính xác thông tin dẫn đến đơn vị sự nghiệp công lập lựa chọn đối tác liên doanh, liên kết không đúng quy định thì tổ chức, cá nhân đó bị xử lý theo quy định của pháp luật.

d) Không lựa chọn các cá nhân, tổ chức có người đại diện theo pháp luật đã bị kết án bằng bản án có hiệu lực pháp luật về tội vi phạm quy định trong lĩnh vực liên quan đến hoạt động liên doanh, liên kết mà chưa được xoá án tích hoặc phát hiện tổ chức, cá nhân cung cấp thông tin không chính xác hoặc giả mạo

thông tin về tiêu chí trong hồ sơ tại thời điểm lựa chọn đối tác thực hiện liên doanh, liên kết.

2. Đơn vị có tài sản liên doanh, liên kết thông báo công khai về việc lựa chọn đối tác liên doanh, liên kết theo quy định tại khoản 3 Điều 47 của Nghị định trong thời hạn ít nhất là 05 ngày làm việc, trước ngày hết hạn nộp hồ sơ đăng ký.

3. Hồ sơ đăng ký tham gia liên doanh, liên kết do tổ chức, cá nhân xây dựng, có dấu xác nhận của tổ chức, chữ ký của cá nhân bao gồm thông tin đầy đủ về các nhóm tiêu chí, tiêu chí thành phần quy định tại Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư này, gửi kèm theo bản đánh máy hoặc bản chụp các giấy tờ, tài liệu chứng minh (có dấu treo của tổ chức, chữ ký của cá nhân). Đơn vị sự nghiệp công lập có tài sản không được yêu cầu tổ chức, cá nhân nộp bản chính hoặc bản sao có chứng thực các giấy tờ, tài liệu chứng minh trong thông báo lựa chọn tổ chức, cá nhân tham gia liên doanh, liên kết.

Trong trường hợp tổ chức, cá nhân đã bị xử phạt vi phạm hành chính do vi phạm quy định trong lĩnh vực liên quan đến hoạt động liên doanh, liên kết, bị kết án bằng bản án có hiệu lực pháp luật về tội vi phạm quy định trong lĩnh vực liên quan đến hoạt động liên doanh, liên kết thì tổ chức, cá nhân có trách nhiệm cung cấp đầy đủ các thông tin này trong hồ sơ đăng ký tham gia liên doanh, liên kết.

4. Trên cơ sở các hồ sơ đăng ký tham gia liên doanh, liên kết của các tổ chức, cá nhân, đơn vị sự nghiệp công lập có tài sản thực hiện đánh giá, chấm điểm theo các tiêu chí quy định tại Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư này và xử lý các trường hợp phát sinh theo quy định tại các khoản 5, 6, 7 và 8 Điều này.

Người đứng đầu đơn vị sự nghiệp công lập có trách nhiệm phê duyệt kết quả lựa chọn đối tác liên doanh, liên kết. Tổ chức, cá nhân được lựa chọn là tổ chức, cá nhân có tổng số điểm cao nhất và không thấp hơn 50% tổng mức điểm tối đa quy định tại Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư này. Trường hợp việc liên doanh, liên kết không yêu cầu đầy đủ tiêu chí theo quy định tại Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư này thì đơn vị sự nghiệp công lập loại trừ số điểm của các tiêu chí này khi xác định tổng mức điểm tối đa.

Đơn vị sự nghiệp công lập có trách nhiệm thông báo công khai kết quả lựa chọn đối tác liên doanh, liên kết trên Trang thông tin của đơn vị (nếu có), Cổng thông tin điện tử của bộ, cơ quan trung ương, địa phương, Trang thông tin điện tử về tài sản công của Bộ Tài chính và gửi văn bản thông báo kết quả lựa chọn đối tác liên doanh, liên kết cho các tổ chức, cá nhân nộp hồ sơ đăng ký trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày kết quả lựa chọn đối tác liên doanh, liên kết được phê duyệt. Nội dung thông báo kết quả lựa chọn đối tác liên doanh, liên kết bao gồm: Tên tổ chức, cá nhân được lựa chọn; Danh sách tổ chức, cá nhân không được lựa chọn và tóm tắt về lý do không được lựa chọn của từng tổ chức, cá nhân; Kế hoạch hoàn thiện, ký kết hợp đồng liên doanh, liên kết với tổ chức, cá nhân được lựa chọn.

5. Trường hợp có từ hai tổ chức, cá nhân trở lên có tổng số điểm cao nhất bằng nhau thì lựa chọn tổ chức, cá nhân có điểm số phương án tài chính cao hơn; trường hợp phương án tài chính bằng điểm nhau thì đơn vị sự nghiệp công lập có tài sản căn cứ các tiêu chí khác do đơn vị sự nghiệp công lập tự xác định phù hợp với mục đích liên doanh, liên kết, chức năng, nhiệm vụ của đơn vị sự nghiệp công lập để xem xét, quyết định lựa chọn một trong các tổ chức, cá nhân đó.

Trường hợp hết thời hạn nộp hồ sơ đăng ký tham gia liên doanh, liên kết mà chỉ có một tổ chức, cá nhân đăng ký và có tổng số điểm không thấp hơn 50% tổng mức điểm tối đa thì đơn vị có tài sản xem xét, quyết định lựa chọn tổ chức, cá nhân đó.

6. Trường hợp trong thời hạn 12 tháng tính đến ngày nộp hồ sơ mà tổ chức, cá nhân thuộc một trong các trường hợp quy định dưới đây thì thực hiện như sau:

a) Tổ chức, cá nhân bị xử phạt vi phạm hành chính do vi phạm quy định trong lĩnh vực liên quan đến hoạt động liên doanh, liên kết thì cứ mỗi hành vi bị xử phạt vi phạm hành chính, tổ chức, cá nhân đó bị trừ 5% tổng số điểm mà tổ chức, cá nhân được chấm;

b) Cá nhân, tổ chức có người đại diện theo pháp luật bị kết án bằng bản án có hiệu lực pháp luật về tội vi phạm quy định trong lĩnh vực liên quan đến hoạt động liên doanh, liên kết và đã được xoá án tích thì tổ chức, cá nhân đó bị trừ 20% tổng số điểm mà tổ chức, cá nhân được chấm;

c) Tổ chức, cá nhân đã bị đơn vị sự nghiệp công lập khác hủy bỏ kết quả lựa chọn theo quy định tại khoản 7 Điều này hoặc từ chối xem xét, đánh giá hồ sơ đề nghị tham gia liên doanh, liên kết do cung cấp thông tin không chính xác hoặc giả mạo thông tin về tiêu chí trong hồ sơ đăng ký tham gia thì tổ chức, cá nhân đó bị trừ 25% tổng số điểm mà tổ chức, cá nhân được chấm.

7. Sau khi có kết quả lựa chọn đối tác tham gia liên doanh, liên kết mà đơn vị sự nghiệp công lập có tài sản nhận được thông tin của cơ quan, tổ chức có thẩm quyền hoặc có kết quả xác minh của cơ quan, tổ chức có thẩm quyền khẳng định tổ chức, cá nhân được lựa chọn cung cấp thông tin không chính xác hoặc giả mạo thông tin về tiêu chí trong hồ sơ đăng ký tham gia thì thực hiện như sau:

a) Trường hợp chưa ký hợp đồng liên doanh, liên kết thì đơn vị sự nghiệp công lập có tài sản hủy bỏ kết quả lựa chọn tổ chức, cá nhân đó, đồng thời, thông báo công khai việc hủy bỏ kết quả lựa chọn trên Trang thông tin của đơn vị (nếu có), Cổng thông tin điện tử của bộ, cơ quan trung ương, địa phương, Trang thông tin điện tử về tài sản công của Bộ Tài chính.

b) Trường hợp đã ký hợp đồng liên doanh, liên kết thì đơn vị có tài sản hủy bỏ kết quả lựa chọn tổ chức, cá nhân đó; đồng thời có quyền đơn phương chấm dứt hợp đồng liên doanh, liên kết đối với tổ chức, cá nhân đó và không phải bồi thường thiệt hại. Đơn vị có tài sản thông báo công khai việc đơn

phương chấm dứt hợp đồng, lý do đơn phương chấm dứt hợp đồng trên Trang thông tin của đơn vị (nếu có), Cổng thông tin điện tử của bộ, cơ quan trung ương, địa phương, Trang thông tin điện tử về tài sản công của Bộ Tài chính.

8. Trong trường hợp hết thời hạn đăng ký mà không có tổ chức, cá nhân nộp hồ sơ đăng ký tham gia hoặc các tổ chức, cá nhân nộp hồ sơ đăng ký tham gia có tổng số điểm chấm không đạt số điểm tối thiểu, đơn vị sự nghiệp công lập có tài sản tổ chức lại việc lựa chọn đối tác tham gia liên doanh, liên kết theo quy định tại khoản 3 Điều 47 của Nghị định và Điều này.

9. Trong trường hợp kết quả lựa chọn đối tác tham gia liên doanh, liên kết bị hủy bỏ theo quy định tại khoản 7 Điều này thì thực hiện như sau:

a) Nếu kết quả lựa chọn bị hủy bỏ trong thời hạn 06 tháng, kể từ ngày phê duyệt kết quả thì người đứng đầu đơn vị sự nghiệp công lập phê duyệt lại kết quả lựa chọn đối tác liên doanh, liên kết đối với tổ chức, cá nhân có tổng số điểm liền kề với điểm của tổ chức, cá nhân bị hủy bỏ nếu tổng số điểm của tổ chức, cá nhân đó không thấp hơn 50% tổng số điểm tối đa và tổ chức, cá nhân đó vẫn còn nhu cầu tham gia liên doanh, liên kết.

Trường hợp tổ chức, cá nhân có tổng số điểm liền kề với điểm của tổ chức, cá nhân bị hủy bỏ không còn nhu cầu tham gia liên doanh, liên kết hoặc tổng số điểm liền kề với điểm của tổ chức, cá nhân bị hủy bỏ thấp hơn 50% tổng số điểm tối đa hoặc không có tổ chức, cá nhân liền kề thì đơn vị sự nghiệp công lập có tài sản tổ chức lại việc lựa chọn đối tác tham gia liên doanh, liên kết theo quy định tại khoản 3 Điều 47 của Nghị định và Thông tư này.

b) Nếu kết quả bị hủy bỏ sau thời hạn 06 tháng, kể từ ngày phê duyệt kết quả thì đơn vị sự nghiệp công lập tổ chức lại việc lựa chọn đối tác liên doanh, liên kết theo quy định tại khoản 3 Điều 47 của Nghị định và Điều này.”

Điều 2. Bãi bỏ, thay thế một số điều, khoản, mẫu của Thông tư số 144/2017/TT-BTC ngày 29 tháng 12 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn một số nội dung của Nghị định số 151/2017/NĐ-CP ngày 26 ngày 12 năm 2017 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý, sử dụng tài sản công

1. Bãi bỏ Điều 6, Điều 8, khoản 4 Điều 12.
2. Thay thế Mẫu số 09d-CK/TSC - Công khai tình hình xử lý tài sản công (tại Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư này).

Điều 3. Điều khoản thi hành

1. Thông tư này có hiệu lực thi hành từ ngày ký ban hành.
2. Quy định chuyển tiếp đối với các trường hợp thành lập Hội đồng để xác định giá trị tài sản công quy định tại Điều 8 Thông tư số 144/2017/TT-BTC:

a) Trường hợp đã thành lập Hội đồng để xác định giá trị tài sản công và Hội đồng có kết luận về giá trị tài sản công trước ngày Thông tư này có hiệu lực thi hành thì được tiếp tục sử dụng giá trị tài sản công đã được Hội đồng kết luận.

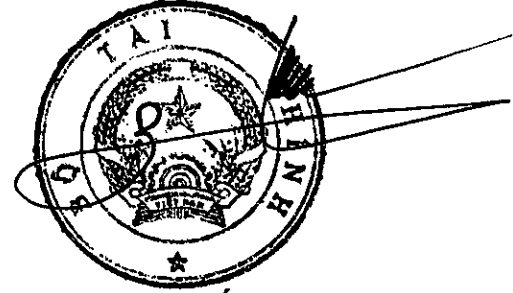
b) Trường hợp đã thành lập Hội đồng để xác định giá trị tài sản công nhưng đến ngày Thông tư này có hiệu lực thi hành chưa có kết luận về giá trị tài sản công thì Hội đồng chấm dứt hoạt động.

3. Các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc chính phủ, cơ quan khác ở trung ương, Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương, các cơ quan, tổ chức, đơn vị có liên quan có trách nhiệm tổ chức thực hiện Thông tư này. / *Leul*

Nơi nhận:

- Ban Bí thư Trung ương Đảng;
- Thủ tướng và các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Văn phòng Tổng Bí thư;
- Văn phòng Trung ương và các Ban của Đảng;
- Văn phòng Quốc hội;
- Văn phòng Chủ tịch Nước;
- Văn phòng Chính phủ;
- Viện Kiểm sát nhân dân tối cao;
- Toà án Nhân dân tối cao;
- Ủy ban Giám sát tài chính Quốc gia;
- Kiểm toán Nhà nước;
- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ; Cơ quan thuộc Chính phủ;
- Cơ quan Trung ương của các đoàn thể;
- HĐND, UBND các tỉnh, TP trực thuộc Trung ương;
- Sở Tài chính các tỉnh TP trực thuộc Trung ương;
- Cục Kiểm tra văn bản QPPL (Bộ Tư pháp);
- Công báo, Cổng thông tin điện tử của Chính phủ;
- Cổng thông tin điện tử của Bộ Tài chính;
- Các đơn vị thuộc Bộ Tài chính;
- Lưu: VT, QLCS. (50) b (14)

**KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG**



Bùi Văn Khăng

Phụ lục I

(Kèm theo Thông tư số 11/2025/TT-BTC ngày 19 tháng 3 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Tài chính)

BẢNG TIÊU CHÍ ĐÁNH GIÁ, CHẤM ĐIỂM TỔ CHỨC, CÁ NHÂN ĐĂNG KÝ LIÊN DOANH, LIÊN KẾT

TT	NỘI DUNG	ĐIỂM TỐI ĐA
1	Năng lực, kinh nghiệm của đối tác đăng ký tham gia liên doanh, liên kết	30,0
1	<i>Thời gian hoạt động trong lĩnh vực liên quan đến hoạt động liên doanh, liên kết</i> (Chỉ chọn chấm điểm một trong các tiêu chí 1.1, 1.2 hoặc 1.3)	5,0
1.1	Dưới 03 năm	1,0
1.2	Từ 03 năm đến dưới 05 năm	3,0
1.3	Từ 05 năm trở lên	5,0
2	<i>Số lượng nhân viên và lao động theo hợp đồng hoạt động trực tiếp trong lĩnh vực liên doanh, liên kết của tổ chức (bình quân 03 năm gần nhất)</i> (Chỉ chọn chấm điểm một trong các tiêu chí 2.1, 2.2 hoặc 2.3)	5,0
2.1	Dưới 50 người	1,0
2.2	Từ 50 đến dưới 100 người	3,0
2.3	Từ 100 người trở lên	5,0
3	<i>Kết quả kinh doanh trong lĩnh vực liên quan đến hoạt động liên doanh, liên kết trong 05 năm gần nhất</i> (Chỉ chọn chấm điểm một trong các tiêu chí 3.1, 3.2, 3.3, 3.4 hoặc 3.5)	10,0
3.1	Dưới 20% thời gian đã hoạt động là kinh doanh có lãi	2,0
3.2	Từ 20% đến dưới 40% thời gian đã hoạt động là kinh doanh có lãi	4,0
3.3	Từ 40% đến dưới 60% thời gian đã hoạt động là kinh doanh có lãi	6,0
3.4	Từ 60% đến dưới 80% thời gian đã hoạt động là kinh doanh có lãi	8,0
3.5	Từ 80% đến 100% thời gian đã hoạt động là kinh doanh có lãi	10,0
4	<i>Nộp thuế thu nhập doanh nghiệp hoặc đóng góp vào ngân sách Nhà nước trong năm trước liền kề, trừ thuế giá trị gia tăng (không bao gồm tiền chậm nộp thuế và các khoản phạt khác)</i> (Chỉ chọn chấm điểm một trong các tiêu chí 4.1, 4.2, 4.3, 4.4, 4.5, hoặc 4.6)	10,0
4.1	Dưới 100 triệu đồng	2,0
4.2	Từ 100 triệu đồng đến dưới 300 triệu đồng	4,0
4.3	Từ 300 triệu đồng đến dưới 500 triệu đồng	6,0
4.4	Từ 500 triệu đồng trở lên	8,0
4.5	Từ 1000 triệu đồng đến dưới 2000 triệu đồng	9,0

TT	NỘI DUNG	ĐIỂM TỐI ĐA
4.6	<i>Từ 2000 triệu đồng trở lên</i>	10,0
II	Hiệu quả của phương án tài chính (Thuyết minh đầy đủ các nội dung trong phương án)	35,0
1	<i>Phương án tài chính đề xuất rõ ràng các nội dung của phương án tài chính (các khoản doanh thu, các khoản chi phí, chênh lệch thu chi)</i>	5,0
2	<i>Phương án tổ chức, thực hiện đề xuất rõ ràng các nội dung về việc tổ chức bố trí nhân sự phục vụ việc liên doanh, liên kết; phương án, biện pháp bảo vệ, giữ gìn, duy tu, bảo dưỡng tài sản công.</i>	5,0
3	<i>Cam kết đầu tư, cải tạo cơ sở vật chất hiện đại cho việc liên doanh liên kết</i>	5,0
4	<i>Cam kết chia sẻ lợi nhuận (Tổng số tiền đơn vị sự nghiệp công lập nhận được từ hoạt động liên doanh, liên kết (điểm số tối đa được chấm cho tổ chức, cá nhân dự kiến chia sẻ số tiền cao nhất; cứ mỗi 50 triệu đồng giảm đi so với số tiền cao nhất thì trừ đi 1 điểm)</i>	15,0
5	<i>Cam kết việc đơn vị sự nghiệp công lập không phải thanh toán tiền trong trường hợp chênh lệch thu chi từ hoạt động liên doanh, liên kết âm</i>	5
III	Cơ sở vật chất, trang thiết bị cần thiết bảo đảm cho việc liên doanh, liên kết	15,0
1	<i>Cơ sở vật chất (nhà cửa, cơ sở hạ tầng) bảo đảm cho việc liên doanh, liên kết</i>	8,0
1.1	Đã có cơ sở vật chất sẵn sàng cho việc thực hiện liên doanh, liên kết	4,0
1.2	Mức độ hiện đại của cơ sở vật chất cho việc liên doanh, liên kết	4,0
2	<i>Trang thiết bị và các tài sản khác cần thiết bảo đảm cho việc liên doanh, liên kết</i>	7,0
2.1	Có trang thiết bị và các tài sản khác bảo đảm phù hợp cho việc liên doanh, liên kết	4,0
2.2	Mức độ hiện đại của trang thiết bị và các tài sản khác bảo đảm cho việc liên doanh, liên kết	3,0
IV	Phương án xử lý tài sản sau khi hết thời hạn liên doanh, liên kết	10,0
	<i>Cam kết chuyển giao không bồi hoàn tài sản hình thành thông qua hoạt động liên doanh, liên kết cho đơn vị sự nghiệp công lập</i>	10,0
V	Các tiêu chí khác (Đơn vị sự nghiệp công lập tự xác định phù hợp với mục đích liên doanh, liên kết, chức năng, nhiệm vụ của đơn vị)	10,0
Tổng số điểm		100

Ghi chú: Trường hợp, Hồ sơ đăng ký tham gia của tổ chức, cá nhân không có thông tin về tiêu chí, tiêu chí thành phần thì chấm 0 điểm đối với tiêu chí, tiêu chí thành phần đó. Đơn vị sự nghiệp công lập có tài sản được phép thực hiện đối chiếu các tài liệu cung cấp trong Hồ sơ đăng ký với bản chính của tổ chức, cá nhân trong quá trình chấm điểm và đến trước thời điểm quyết định lựa chọn (nếu thấy cần thiết).

Phụ lục II

(Kèm theo Thông tư số 11/2025/TT-BTC ngày 19 tháng 3 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Tài chính)

Mẫu số 09d-CK/TSC

Bộ, tỉnh:

Cơ quan quản lý cấp trên:

Cơ quan, tổ chức, đơn vị sử dụng tài sản:

Mã đơn vị:

Loại hình đơn vị:

CÔNG KHAI TÌNH HÌNH XỬ LÝ TÀI SẢN CÔNG NĂM

STT	Danh mục tài sản trong kỳ báo cáo được xử lý	Giá trị theo sổ sách kế toán (Nghìn đồng)			Hình thức xử lý theo Quyết định của cấp có thẩm quyền								Kết quả xử lý đến thời điểm báo cáo	Số tiền thu được từ xử lý tài sản (Nghìn đồng)			Chi phí xử lý tài sản (Nghìn đồng)	Ghi chú
		Nguyên giá		Giá trị còn lại	Thu hồi	Điều chuyển	Bán	Thanh lý	Tiêu hủy	Xử lý trong trường hợp bị mất, bị hủy hoại	Xử lý khác	Tổng cộng		Đã nộp tài khoản tạm giữ	Chưa nộp tài khoản tạm giữ			
		Nguồn ngân sách	Nguồn khác															
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	
I	Đất																	
1	Địa chỉ...																	
	...																	
II	Nhà																	
1	Địa chỉ...																	
	Nhà 1																	
	Nhà...																	
2	Địa chỉ...																	
	...																	
III	Xe ô tô																	
1	Xe 1																	
2	Xe...																	
IV	Tài sản cố định khác																	
																	

NGƯỜI LẬP BIỂU

(Ký, họ tên)

Ngày tháng năm

THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN

(Ký, họ tên và đóng dấu)

Ghi chú:

- Cột 2: Phần III Xe ô tô: Ghi theo nhãn hiệu và biển kiểm soát (Ví dụ: Toyota Camry 10A-9999).

- Cột 13: Ghi rõ đã thực hiện hay chưa, trường hợp đã bán thì ghi rõ hình thức bán (đấu giá, niêm yết, chỉ định), trường hợp đã thanh lý thì ghi rõ hình thức thanh lý (phá dỡ, hủy bỏ, bán đấu giá, bán niêm yết, bán chỉ định).

- Cột (15), (16) không áp dụng với đơn vị sự nghiệp công lập.